

Dền Thàng, ngày 18 tháng 11 năm 2024

Số: _____/KH-THCS.DT

KẾ HOẠCH

Phát triển giáo dục và đào tạo năm 2025 (năm học 2025-2026)

PHẦN THỨ NHẤT

Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023 (năm học 2023- 2024) và ước thực hiện kế hoạch 2024 (năm học 2024-2025)

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2023-2024

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2023-2024

1.1. Tình hình mạng lưới trường, lớp học:

- Kết thúc năm học 2023-2024, toàn trường có 11 lớp = 386 học sinh trong đó tuyển sinh mới vào lớp 6 là 96 em đạt 100 %

Khối 6: 3 lớp = 96 học sinh

Khối 7: 3 lớp = 95 học sinh

Khối 8: 3 lớp = 106 học sinh

Khối 9: 2 lớp = 89 học sinh

- Duy trì cuối năm đạt 100 % kế hoạch; Chuyên cần duy trì đạt từ 97 % trở lên;

- Về cơ bản các nhà trường đã duy trì sĩ số học sinh trong năm học đảm bảo, không có học sinh bỏ học :

- Trung bình số học sinh/lớp trong đó: 35 học sinh/lớp ở xã khu vực III;

1.2. Tỷ lệ học sinh đi học so với dân số trong độ tuổi.

Tỷ lệ học sinh Hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%.

Tỷ lệ trẻ 11-14 tuổi đi học đạt 97,6%.

Tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi có bằng TNTHCS 93.1%.

Tỷ lệ học sinh TN THCS vào lớp 10 và các trường nghề đạt 87.4%.

Có 93 học sinh vào lớp 6 năm học 2020-2021 đến cuối năm học 2023-2024 có 90 học sinh TN THCS đạt 96,7%

1.3. Đánh giá về chất lượng giáo dục toàn diện

a) Chất lượng giáo dục toàn diện; công tác PCGD, XMC; hoạt động của TTHTCĐ; thực hiện đổi mới phương pháp giáo dục đào tạo, thực hiện dạy và học ngoại ngữ:

*** Chất lượng giáo dục:**

Kết quả: 100% giáo viên dạy học lớp 6, lớp 7, lớp 8 theo chương trình GDPT 2018 đã được tham gia tập huấn đảm bảo các Moodun và thực hiện có hiệu quả chương trình, kết quả cụ thể như sau.

- Về chất lượng:

+ Học tập/Học lực:

Lớp		Học sinh	Học tập (Số lượng)				Học tập (%)			
			Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Cộng 6,7,8	Chỉ tiêu	296	10	67	211	8	3,4	22,6	71,3	2,7
	Thực hiện	297	12	86	196	3	4,0	29,0	66,0	1,0
	Đánh giá	+1	+2	+19	-15	-5	+0,6	+6,4	-5,3	-1,7

Lớp		Học sinh	Học lực (Số lượng)					Học lực (%)				
			Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Giỏi	Khá	T.bình	Yếu	Kém
Cộng khối 9	Chỉ tiêu	89	3	24	61	1	0	3,4	26,9	68,5	1,1	0
	Thực hiện	89	3	32	54	0	0	3,4	35,9	60,7	0	0
	Đánh giá	0	0	+8	-7	-1	0	0	+9	-7,8	-1,1	0

+ Rèn luyện/Hành kiểm:

Lớp		Học sinh	Rèn luyện (Số lượng)				Rèn luyện (%)			
			Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Cộng 6,7,8	Chỉ tiêu	296	251	37	8	0	84,8	12,5	2,7	0
	Thực hiện	297	255	36	3	3	85,9	12,1	1,0	1,0
	Đánh giá	+1	+4	-1	-5	+3	+1,1	-0,4	-1,7	+1,0

Lớp		Học sinh	Hành kiểm (Số lượng)					Hành kiểm (%)				
			Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém	Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
Cộng khối 9	Chỉ tiêu	89	79	7	3	0	0	88,8	7,8	3,4	0	0
	Thực hiện	89	79	9	1	0	0	88,8	10,1	1,1	0	0
	Đánh giá	0	0	+2	-2	0	0	0	+2,3	-2,3	0	0

- Chất lượng mũi nhọn: Nhà trường đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch từ đầu năm, khảo sát, phân loại đối tượng thành lập đội tuyển, chỉ đạo bồi dưỡng HSG, học sinh năng khiếu theo các văn bản chỉ đạo các cấp, hàng tháng có khảo sát đánh giá và đề ra các biện pháp thực hiện tiếp theo cho phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng học sinh của nhà trường. Tổ chức thi cấp trường và thành

lập đội tuyển tham gia dự thi các cuộc thi học sinh giỏi môn văn hóa, thi NCKH, STTTNNĐ. Kết quả:

- Danh hiệu thi đua:
 - + Học sinh Xuất sắc: 0
 - + Học sinh Giỏi: 15 HS, vượt 2 HS so với chỉ tiêu
 - + Học sinh Tiên tiến: 32 HS, vượt 8 HS so với chỉ tiêu
- Tỷ lệ chuyển lớp: 383/386 đạt 99,2%; Lưu ban: 3 HS
- Tham gia thi học sinh giỏi các cấp:
 - + Cấp trường: Đạt 21 giải, trong đó: 2 giải Nhì (Sử 9: 1; GDCD 8: 1); 8 giải Ba (Sinh 9: 3; GDCD 9: 1; Sử 8: 1; Địa 8: 1; Hóa 8: 2); 11 giải Khuyến khích (Sinh 9: 1; GDCD 9: 3; Sử 9: 1; Sử 8: 1; Địa 8: 1; GDCD 8: 1; Sinh 8: 3)
 - + Cấp huyện: Đạt 09 giải, trong đó: 1 giải Nhất (Sinh 8); 1 giải Nhì (Địa 8); 3 giải Ba (Sinh 9, Sinh 8, Địa 8); 4 giải Khuyến khích (Sinh 9: 2; Sinh 8: 1; GDCD 9: 1).

- Tham gia cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật: Đạt 02 giải cấp trường
- Tham gia cuộc thi sáng tạo thành thiếu niên cấp huyện đạt 01 giải nhì

*** Hoàn thành chương và Tốt nghiệp THCS:**

- Tổng số học sinh hoàn thành chương trình lớp 9: 89 học sinh; Đủ điều kiện dự xét tốt nghiệp: 87 học sinh (02 học sinh không đủ điều kiện dự xét do quá 21 tuổi); Được công nhận tốt nghiệp: 87 học sinh (01 học sinh ốm chết trong hè).

*** Hiệu quả sau đào tạo THCS:**

Tỷ lệ phân luồng sau tốt nghiệp THCS: 76/86 đạt 88,4%, trong đó:

- + Nội trú trung ương: 01 học sinh.
- + PTDTNT THCS&THPT Bát Xát: 4 học sinh.
- + THPT số 1 Bát Xát: 11 học sinh.
- + THCS&THPT Bát Xát: 42 học sinh.
- + Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bát Xát: 17 học sinh.
- + Cao đẳng Lào Cai: 01 học sinh.

*** Thực hiện đổi mới PP dạy học, thực hiện dạy và học ngoại ngữ, tin học:**

Nhà trường đã tích cực chỉ đạo, thực hiện đổi mới PP dạy học nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường; tổ chức dạy và học ngoại ngữ, tin học đảm bảo chương trình theo đúng kế hoạch chỉ đạo và các văn bản hướng dẫn của cấp trên. 100% học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 được học Tin học và ngoại ngữ.

b) Tình hình phát triển giáo dục dân tộc, giáo dục vùng khó khăn; vùng đặc biệt khó khăn

Tình hình phát triển giáo dục dân tộc, giáo dục vùng đặc biệt khó khăn ngày được các cấp, các ngành và nhà trường quan tâm và phát triển; duy trì tốt

kết quả trường PTDTBT. Tỷ lệ học sinh bán trú/tổng tổ học sinh là $291/386 = 75,4\%$, tăng $0,4\%$ so với năm học 2022-2023.

c) Củng cố, duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, XMC.

Duy trì bền vững kết quả phổ cập giáo dục: PCGD XMC mức độ 2; PCGD TH mức độ 3; PCGD THCS mức độ 3.

PCGD TH: Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 là $109/109 = 100\%$; Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học $105/112 = 93,7\%$. (07 HS đang học tiểu học)

PCGD THCS: Tỷ lệ trẻ 11 đến 14 tuổi tốt nghiệp Tiểu học là $410/420 = 97,6\%$; Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình Tiểu học vào lớp 6 là $105/112 = 93,7\%$. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS là $87/87 = 100\%$ (2 HS quá tuổi TNTHCS) (1 HS TNTHCS Nội trú Bát Xát, 1 HS TNTHCS&THPT Bát Xát, 1 HSTNTHCS Y TÝ, 87 HS TNTHCS Tại Trường PTDTBTTHCS Dền Thàng; Tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS hoặc Bỏ túc THCS là $343/368 = 93,2\%$; Tỷ lệ thanh thiếu niên 15-18 tuổi đang học các trường THPT hoặc trường nghề là $322/368 = 87,5\%$.

PCGD XMC: Tỷ lệ người từ 15-25 tuổi biết chữ là $783/783 = 100\%$; Tỷ lệ người từ 15 đến 35 tuổi biết chữ là $1446/1471 = 98,3\%$; Tỷ lệ người từ 15 đến 60 tuổi biết chữ là $2221/2541 = 87,4\%$.

d) Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng

TTHTCĐ hoạt động và triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và theo quy định của pháp luật dưới sự giám sát của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Dền Thàng, cơ quan chuyên môn Phòng GD&ĐT Bát Xát. Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên được cấp hàng năm để mua bổ sung bàn ghế và các trang thiết bị, tài liệu phục vụ cho hoạt động của trung tâm. Ngoài ra, trung tâm không có các khoản thu ngoài ngân sách để phục vụ cho hoạt động của TTHTCĐ xã.

Số lớp đã mở trong năm 2023: mở 08 lớp tuyên truyền với 378 học viên, mở 04 lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật với 286 học viên. Mở 01 lớp xóa mù chữ giai đoạn 1 với 20 học viên.

e) Triển khai thực hiện các mô hình giáo dục; thực chất, hiệu quả của mô hình:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; tăng cường thảo luận bàn các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc... Kết quả: chất lượng giáo dục toàn diện và hiệu quả giáo dục đã có nhiều chuyển biến tích cực đồng bộ và có sự chuyển biến rõ rệt. Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được duy trì bền vững. Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh

năng khiếu, nghiên cứu khoa học,... tiếp tục được chú trọng bằng những biện pháp tích cực, đạt được kết quả nổi bật.

Các mô hình trường học gắn với thực tiễn tiếp tục được nhà trường đẩy mạnh thực hiện tương đối tốt.

Tiếp tục nghiên cứu các sáng kiến, cách làm hay vận dụng vào quản lý và thực hiện có hiệu quả như: Mô hình cổng trường an toàn giao thông; mô hình trường học gắn với thực tiễn; đưa mô hình “Bán trú tự quản giúp nhau cùng tiến bộ”; mô hình các câu lạc bộ gắn với bản sắc văn hoá dân tộc trong nhà trường (CLB thơ, CLB văn hoá,...); giải pháp ôn thi vào 10 đạt hiệu quả tương đối tốt (+ Nội trú trung ương: 01 học sinh. PTDTNT THCS&THPT Bát Xát: 4 học sinh. THPT số 1 Bát Xát: 11 học sinh. THCS&THPT Bát Xát: 42 học sinh. Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bát Xát: 17 học sinh. Cao đẳng Lào Cai: 01 học sinh.);...

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh về phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em. Triển khai các hoạt động can thiệp, cải tạo môi trường học tập, vui chơi nhằm giảm thiểu nguy cơ gây tai nạn, thương tích trong trường học.

1.4. Tình hình thực hiện đề án 04 của Huyện ủy giai đoạn 2020-2025:

Tỷ lệ học sinh Hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 93,7%; tỷ lệ trẻ 11-14 tuổi đi học đạt 97,6%; tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi có bằng THPTCS 93.2% (đạt 100% so với kế hoạch thực hiện Đề án 04 năm 2024 của UBND xã Dền Thàng).

100% học sinh được học Tin học, Ngoại ngữ (đạt 100% so với kế hoạch năm 2024, Đề án 06-ĐA/TU, Đề án 04-ĐA/HU); 100% giáo viên Tiếng Anh được tham gia bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ (đạt 100% so với kế hoạch năm 2024, Đề án 06-ĐA/TU, Đề án 04-ĐA/HU); 100% giáo viên Tiếng Anh đạt trình độ năng lực ngoại ngữ B2 để tham gia giảng dạy chương trình GDPT mới theo yêu cầu cấp học; nhà trường ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành, dạy và học (đạt 100% so với kế hoạch năm 2024 và Đề án 04-ĐA/HU).

100% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên theo quy định tại Luật Giáo dục ngày 14/6/2019.

Triển khai tương đối có hiệu quả giáo dục STEM theo hướng dẫn của phòng GD&ĐT tuy nhiên việc thực hiện chưa được thường xuyên.

Đầu tư, tăng cường CSVC trường học: 100% phòng học kiên cố (đạt 100% so với kế hoạch năm 2024 và Đề án 06-ĐA/TU, Đề án 04-ĐA/HU); có đủ phòng học bộ môn, đủ thiết bị dạy học tối thiểu (đạt 100% so kế hoạch năm

2024 kế hoạch thực hiện Đề án 04 năm 2024 của UBND xã Dền Thàng).

1.5. Tình hình phát triển đội ngũ giáo viên, CBQL giáo dục:

Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn trường nhằm nâng cao nhận thức chính trị, đạo đức nghề nghiệp; tăng cường công tác thông tin, nâng cao hiểu biết cho CBQL, giáo viên về tình hình thời sự, xã hội của đất nước, địa phương. Năm học 2023-2024, toàn trường 22/28=78,6% CBQL, GV, nhân viên là đảng viên; 100% CBQL, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019; 100% CBQL đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm; 100% CBQL, giáo viên được đánh giá “Đạt” theo Chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; 100% CBQL, giáo viên hoàn thành các nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên; số giáo viên có chuyên môn giỏi tiếp tục tăng lên.

Thực hiện đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn đảm bảo khách quan, chính xác, công bằng làm cơ sở cho việc bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ hiệu quả.

- Tổng số CBQL, GV, Nhân viên toàn trường là: 28 đồng chí, chia ra:
 - + CBQL: 03 (Hiệu trưởng: 01; Phó HT: 02). Đạt chuẩn 3/3 = 100%
 - + Giáo viên: 22; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn: 22/228 = 100.
 - + Nhân viên: 3 (Thư viện: 01; Văn thư thủ quỹ: 01; Kế toán: 01), trong đó: Đạt chuẩn là 3/3 đ/c = 100%.
- Kết quả phân xếp loại năm học 2023-2024 như sau:
 - + Đánh giá cơ sở giáo dục: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - + Xếp loại Hiệu trưởng: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
 - + Xếp loại Phó Hiệu trưởng: Tổng số 02 đồng chí. Xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ: 02 đồng chí, đạt 100%.
 - + Xếp loại giáo viên: Tổng số giáo viên 22, số giáo viên được đánh giá xếp loại 22. Xếp loại xuất sắc nhiệm vụ: 04 đồng chí, chiếm 18.2%; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 18 đồng chí, chiếm 81,8%.
 - + Xếp loại nhân viên: Tổng số nhân viên 03, số nhân viên được đánh giá xếp loại 03. Xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ: 03 đồng chí, đạt 100%.

1.6. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học:

*** Thực trạng cơ sở vật chất hiện có:**

Việc đảm bảo cơ sở vật chất trường, lớp theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT. Và thực hiện nhiệm vụ đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

TT	Các hạng mục công trình	Số lượng hiện có	Đánh giá	Nhu cầu bổ sung
----	-------------------------	------------------	----------	-----------------

1	Khối phòng quản trị			
1.1	Phòng Hiệu trưởng	0	Sử dụng phòng công vụ	1
2.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	0	Sử dụng phòng công vụ	1
3.3	Văn phòng	0	Sử dụng phòng công vụ	1
1.4	Phòng bảo vệ	0		1
1.5	Khu vệ sinh CB;GV;NV	1		1
1.6	Khu để xe CB;GV;NV	0		1
2	Khối phòng học tập			
2.1	Phòng học	12		6
2.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	0		1
2.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0		1
2.4	Phòng học bộ môn Công nghệ	0		1
2.5	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	0		1
2.6	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	0		1
2.7	Phòng học bộ môn Tin học	1		1
2.8	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	0		1
2.9	Phòng đa chức năng	0		1
3	Khối phòng hỗ trợ học tập			
3.1	Thư viện	0		1
3.2	Phòng thiết bị giáo dục	0		1
3.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	0		1
3.4	Phòng Đoàn, Đội	0		1
3.5	Phòng truyền thống	0		1
4	Khối phụ trợ			
4.1	Phòng họp	0		1
4.2	Phòng các tổ chuyên môn	0		3
4.3	Phòng y tế trường học	0		1
4.4	Nhà kho	0		1
4.5	Khu để xe học sinh	0		1
3.6	Khu vệ sinh học sinh	3		1
3.7	Cổng hàng rào	1		0

3.8	Phòng chờ giáo viên	02	01 phòng đang làm phòng làm việc của HT	2
3.9	Phòng ở giáo viên	8		10
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao			
5.1	Sân trường	350.0m ²		10.000m ²
5.2	Sân thể dục thể thao	0		1
5.3	Nhà đa năng	0		1
6	Khối phục vụ sinh hoạt			
6.1	Nhà bếp	0		1
6.2	Kho bếp	0		1
6.3	Nhà ăn	1		1
6.4	Nhà ở nội trú/Bán trú	16		20
6.5	Phòng quản lý học sinh	0		1
6.6	Phòng sinh hoạt chung	0		1
6.7	Nhà văn hóa	0		1
7	Hạ tầng kĩ thuật			
7.1	Hệ thống cấp nước sạch (bể chứa nước hoặc téc chứa)	1		1
7.2	Hệ thống cấp điện (điện 03 pha)	1		0
7.3	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	0		3
7.4	Hạ tầng CNTT	1		0
7.5	Khu thu gom rác thải	0		1

Thiết bị dạy học: Đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho công tác dạy và học.

*** Khó khăn:**

Hiện nay cơ sở vật chất còn thiếu do đang trong quá trình xây dựng bổ sung cơ sở vật chất. Thiết bị dạy học do sử dụng nhiều năm hư hỏng nhiều, thiết bị dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông mới chỉ đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho việc dạy và học, các thiết bị điện tử như Ti vi, máy chiếu, máy tính hư hỏng nhiều và kinh phí sửa chữa tốn kém. Nguồn kinh phí của nhà trường rất hạn hẹp nên gặp khó khăn để đầu tư mua sắm thường xuyên trong các lớp học và phòng học chức năng cũng ảnh hưởng một phần đến chất lượng các môn học.

1.7. Về thực hiện công tác quản lý tài chính:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc theo luật ngân sách các chính sách của Nhà nước và các chính sách của địa phương đối với học sinh: Miễn, giảm học phí, chính sách hỗ trợ cho học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú, chế độ đối với học sinh hộ nghèo ở các xã ĐBKK, thôn, bản đặc biệt khó khăn; nghị định 116 của chính phủ; QĐ số 123/2016 của UBND tỉnh...; Nghị quyết số

29/2020/NQQ-HĐND; NĐ 81/2022; TT 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BTC; Nghị quyết số 09/2022/NQQ-HĐND ngày 15/7/2022 Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; chính sách đối với giáo viên....

- Kinh phí từ nguồn ngân sách huyện: 7.054.713.000đ đồng trong đó:

+ Nguồn kinh phí tự chủ: 4.117.700.000đ đồng

+ Nguồn KP không tự chủ: 2.938.013.000 đồng

+ Nguồn cải cách tiền lương: 449.000.000 đồng

- Công tác xã hội hóa: Nhà trường đã tích cực vận động ủng hộ từ các nhà hảo tâm, các cơ quan doanh nghiệp, huy động ngày công từ phụ huynh. Trong năm học vừa qua, đã có các cơ quan, doanh nghiệp tặng quà, học bổng và đồ dùng học tập cho học sinh. (Viettel; Hội khuyến học...)

2. Ước thực hiện năm học 2024-2025

2.1. Về duy trì tỉ lệ chuyên cần và số lượng

+ Tổng số lớp: 12 lớp, tăng 1 lớp. Tổng số học sinh toàn trường 406 (tăng 20 HS so với năm học trước), Học sinh bán trú $303/406=75,4\%$.

- Trung bình số học sinh trên lớp 34 học sinh/lớp.

2.2. Về chất lượng giáo dục:

- Kết quả đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh: **(Biểu chỉ tiêu từng lớp kèm theo)**

- Tỉ lệ chuyển lớp: 99,3% trở lên, số học sinh thi lại lưu ban dưới 1%/năm học;

- Tỉ lệ tốt nghiệp THCS: $89/89=100\%$.

- Công tác phân luồng hướng nghiệp: ít nhất 80% học sinh được phân luồng có nhu cầu học tiếp sau tốt nghiệp THCS (*70 % đăng kí đi học THPT; 10% học tại TTGDNN&GDTX, các trường khác...*). Xây dựng điểm về trường phân luồng, hướng nghiệp - dạy nghề.

- Tỷ lệ tuyển sinh vào các lớp đầu cấp lớp 6 năm học 2024-2025 (có 99 học sinh học lớp 5 năm học 2024-2025): đạt 98% trở lên (*trừ số HS đã thi đỗ vào trường nội trú huyện*)

- Bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, học sinh đạt HSG các cấp, các cuộc, hội thi khác: 12 giải cấp trường và 6 giải từ cấp huyện trở lên tập trung các khối 6,7,8, riêng khối 9 tập trung HSG môn Địa lý và GDCD.

- Phổ cập giáo dục: THCS mức độ 2; Tỉ lệ % thanh thiếu niên 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS: $290/324 = 98.5\%$;

- Giáo dục thường xuyên: Trung tâm học tập cộng đồng có cơ sở vật chất đảm bảo và hoạt động có hiệu quả. Duy trì, nâng cao hiệu quả của TTHTCĐ xã Dền Thàng; phổ cập xóa mù chữ mức độ 2; Thực hiện đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 23/6/2016 của UBND huyện Bát Xát về việc phát triển

TTHTCĐ giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; thực hiện đảm bảo chỉ tiêu tại đề án số 04-ĐA/HU.

- Văn nghệ, thể dục thể thao:

+ Thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025;

+ Duy trì nền nếp thực hiện các bài thể dục giữa giờ, tập luyện thể thao nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể lực toàn diện; trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành cho HS thói quen tập luyện thể dục, thể thao; tập luyện và tổ chức thi đấu các môn thể thao; tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp trường, giao lưu cấp cụm về các môn TDTT, lựa chọn các môn thể thao mũi nhọn, có thể mạnh của đơn vị, tổ chức luyện tập chuẩn bị cho HS tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện, cấp tỉnh (năm 2024);

+ Tổ chức, thu hút HS tham gia các hoạt động văn hóa- văn nghệ, thể dục - thể thao trên cơ sở tự nguyện phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nội dung học tập của HS.

- Kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia, xây dựng trường đạt chuẩn giáo dục vùng cao: Tự đánh giá cơ sở giáo dục Mức 1

+ Tự đánh giá nhà trường đạt mức độ 1 theo thông tư Số: 18/2018/TT-BGDĐT

+ Công tác khảo thí kiểm định: Tổ chức thực hiện nghiêm túc các kỳ thi; 100% các đề kiểm tra được phê duyệt; Kiểm tra, đánh giá chất lượng học sinh theo thông tư 58/BGD&ĐT và thông tư 26/2020 sửa đổi bổ sung thông tư 58 với lớp 9. Kiểm tra, đánh giá chất lượng học sinh theo Thông tư 22/BGD&ĐT với lớp 6,7,8;

+ Rà soát các tiêu chí chuẩn Quốc gia gắn với thực hiện các tiêu chí của Chuẩn giáo dục vùng cao.

- Đảm bảo vệ sinh, an toàn, an ninh trường học: Đảm bảo 100% nội dung này thực hiện tốt, không để xảy ra mất vệ sinh, an toàn, an ninh trường học:

+ Thực hiện tốt công tác y tế trường học; 100% học sinh được theo dõi sức khỏe. 100% học sinh có thẻ bảo hiểm Y tế. Không để xảy ra bệnh dịch, mất an toàn vệ sinh thực phẩm;

+ Có bảo vệ thường xuyên; trang bị phòng bảo vệ; trang bị hệ thống camera giám sát; thực hiện công tác phòng chống cháy nổ....

+ Đảm bảo an toàn cho giáo viên, nhân viên và học sinh trong trường. Nói không với các tệ nạn xã hội các biểu hiện mất đoàn kết, mất an ninh trật tự trong trường học.

- Thực hiện chương trình GDPT 2018 (lớp 6,7,8), chuẩn bị thực hiện chương trình GDPT 2018 (lớp 9)

2.3. Công tác quản lý, sử dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ:

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả
1	Chuyên môn theo QĐ 682/SGD&ĐT	Giỏi: 75% Khá: 25%
2	Chuẩn GV theo CV 517/SGD&ĐT	75% đạt Tốt ; 25% đạt Khá
3	Chuẩn HT theo CV516/SGD&ĐT	1 Tốt
4	Chuẩn PHT theo CV516/SGD&ĐT	2 Tốt
5	Viên chức theo QĐ 532/QĐ-SGD&ĐT và QĐ 32/QĐ-UBND	(1). Xếp loại Hiệu trưởng: 01 Hoàn thành Tốt nhiệm vụ trở lên; (2). Xếp loại Phó Hiệu trưởng: 02 Hoàn thành Tốt nhiệm vụ trở lên; (3). Đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: ít nhất 20 % (4). Đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ: nhiều nhất 80 %
6	BDTX theo TT 17/2022 và TT 19/20219	100% hoàn thành CTBDTX; 3 nhân viên và GVHD không đánh giá.
7	Công tác Bán trú Theo QĐ 739/QĐ-SGD	Duy trì TLCC Bán trú trên 98%.
8	Cơ sở giáo dục theo QĐ 54/QĐ-UBND	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

- CNTT: Thực hiện quản lý hồ sơ chuyên môn (*duyet giáo án; sổ báo giảng; sổ đầu bài; đánh giá học sinh; sổ chủ nhiệm; học bạ*) trên phần mềm điện tử; thực hiện 100% công việc quản lý văn bản bằng phần mềm; thực hiện hội họp trực tiếp với trực tuyến; ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học và hội họp;

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn, trên chuẩn: 100% đội ngũ đạt chuẩn trình độ đào tạo.

- Thi giáo viên dạy giỏi cấp trường: 100% giáo viên đủ điều kiện tham gia giáo viên dạy giỏi cấp trường;

- Tham gia 100% các cuộc vận động, phong trào thi đua trong đó phần đầu có ít nhất 1 cá nhân đạt thành tích trong các cuộc vận động và phong trào thi đua trong năm học;

- Chuẩn bị đội ngũ thực hiện chương trình GDPT 2018, thực hiện các nội dung kế hoạch thực hiện chương trình GDPT 2018 với các khối lớp 6,7,8,9;

*** Các chỉ tiêu khác:**

- Thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; Tham gia xây dựng thực hiện chuyên đề cấp huyện; Tham gia xây dựng thực hiện chuyên đề cấp cụm; Thực hiện chuyên đề cấp trường; Thực hiện chuyên đề cấp cấp tổ;

- Trường THCS Bản Vược giúp đỡ trường PTDTBT THCS Dền Thàng .

- Công tác phát triển Đảng: Chi bộ Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ; bồi dưỡng kết nạp 02 đồng chí; Giới thiệu 02 quần chúng ưu tú bồi dưỡng đảng.

2.4. Công tác quản lý, sử dụng, phát triển cơ sở vật chất, tài chính, trang thiết bị dạy học:

- Tập trung tham mưu các cấp qui hoạch trường học, mở rộng quỹ đất, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo đáp ứng theo thông tư 13/TT-BGD&ĐT và thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, xây dựng trường chuẩn quốc gia gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới;

- Trang sầm thiết bị dạy học tối thiểu đối với lớp 7,8 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; nâng cấp phòng tin, sửa chữa máy tính thiết bị tin học, lắp đặt nâng cấp đường truyền mạng internet, sửa chữa mua sắm bổ sung thiết bị văn phòng phục vụ dạy học;

- Lắp đặt thêm hệ thống Camera giám sát khu vực khuôn viên trường; sửa chữa cơ sở vật chất cho công tác Bán trú; tham mưu xây thêm nhà vệ sinh cho học sinh Bán trú.

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 tổ chức lấy ý kiến của tập thể trước khi thực hiện.

2.5. Công tác quản lý hành chính:

- Ban hành Quy chế chuyên môn; nội quy cơ quan; phân công nhiệm vụ; Ban hành quy chế đánh giá xếp loại công tác Bán trú; Ban hành quy chế đánh giá xếp loại hồ sơ..

- Xây dựng quy chế phối hợp với Công đoàn thực hiện quy chế dân chủ cơ quan; xây dựng các kế hoạch cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng lãng phí....

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra thanh tra nội bộ trường học, kiểm tra nhà giáo và các mảng công tác mỗi mảng công tác được kiểm tra 2 lần/ năm học như: Kiểm tra toàn diện hoạt động sư phạm nhà giáo: Kiểm tra chuyên đề giảng dạy, kiểm tra đánh giá học sinh của 100% cán bộ quản lý giáo viên; Kiểm tra công tác chủ nhiệm lớp; Kiểm tra hoạt động của các tổ chức đoàn thể; Kiểm tra công tác Bán trú; Kiểm tra hoạt động các tổ khối chuyên môn; Kiểm tra công tác thư viện, ý tế; Kiểm tra tài chính, sử dụng tài sản;... Ngoài ra kiểm tra đột xuất các hoạt động trong nhà trường theo tình hình thực tế.

2.6. Các công tác khác

- Công tác đoàn thể (Công đoàn, đoàn thanh niên, hội chữ thập đỏ...): Có kế hoạch tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết, kế hoạch của nhà trường; của tổ chức giao.

- Giáo dục STEM: Xây dựng các mô hình có sức ảnh hưởng và có tác dụng thực tiễn gắn với mô hình trường học;

- Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy và học: Tập tiếp cận tạo kho bài giảng dùng chung; thiết kế bài giảng trực tuyến; tổ chức cho học sinh học tập trên nền tảng số (*thiết kế, giao nhiệm vụ, đánh giá sản phẩm, lưu vết quá trình học tập của học sinh*); tổ chức dạy học kết nối (*nâng cao chất lượng bồi dưỡng HSG, ôn thi tốt nghiệp cho học sinh lớp 9 với các trường THPT số 1; Nội trú*).

- Giáo dục dân tộc:

+ Xây dựng mô hình trường Bán trú nền nếp, tự quản, hướng nghiệp và dạy nghề; thực hiện khu Bán trú an toàn- sạch sẽ- khoa học và văn minh; thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ chính sách nhà giáo, học sinh theo đúng quy định;

+ Công tác nội trú, Bán trú: thực hiện tốt các tiêu chí đánh giá theo QĐ 739/QĐ-SGD Lào Cai;

- **Giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật:** (*theo văn bản số 320/PGD&ĐT, ngày 6/9/2022 của Phòng GD&ĐT Bát Xát*).

2.7. Về thi đua: các danh hiệu thi đua phần đầu trong năm học (số liệu cụ thể)

TT	Nội dung	Kết quả
1	Viên chức LĐT	65% trở lên
2	Viên chức CTSDCS	15%
3	Viên chức Giấy khen cấp xã	15%
4	Viên chức Bằng khen UBND tỉnh	0 đồng chí
5	Viên chức Bằng khen TTg CP	0 đồng chí
6	Tập thể	Lao động tiên tiến trở lên
7	Công đoàn	LĐLĐ huyện tặng Giấy khen

2.8. Đánh giá việc mua sắm thiết bị bổ sung mới năm 2023

2.8.1. Danh mục, số lượng, kinh phí từ nguồn ngân sách huyện; nguồn tiết kiệm chi từ nguồn sự nghiệp giáo dục.

Danh mục, số lượng, kinh phí từ nguồn ngân sách huyện; nguồn tiết kiệm chi từ nguồn sự nghiệp; nguồn xã hội hóa giáo dục.

- Huy động các đồ dùng từ các đơn vị tài trợ, xã hội hóa (huy động hiện vật) quy tiền khoảng: 20.000.000 đồng.

-Kinh phí từ nguồn ngân sách huyện: 7.054.713.000đ đồng trong đó:

+ Nguồn kinh phí tự chủ: 4.117.700.000đ đồng

+ Nguồn KP không tự chủ: 2.938.013.000 đồng

+ Nguồn cải cách tiền lương: 449.000.000 đồng

- Năm 2024 nhà trường tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 đề xuất mua sắm thiết bị cho khối lớp 8 nhưng chưa được bổ sung kịp thời.

2.8.2. Danh mục, số lượng, kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh giao cho UBND huyện theo Quyết định của UBND tỉnh Lào Cai.

Không có

3. Kết quả đạt được:

Trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá thực trạng, nhận định ngắn gọn về các nội dung sau đây:

- Về số lượng:

TT	Nội dung	Kế hoạch giao	Thực hiện đầu năm	Cuối năm	So sánh năm học 2022-2023	Ghi chú
1	Số lớp	11	11	11	tăng 1	
2	Sĩ số	389	389	389	Tăng 4	4 HS bỏ học trong hè
3	Tuyển sinh đầu cấp	96	96	96	Tăng 1	

- Về chất lượng:

Học tập	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	7 /201= 3,4	58/201 = 28,8	134/201 = 66,8	2/201= 1
Rèn Luyện	Tốt	Khá	Đạt	chưa đạt
	172/201 = 85,6	25/201= 12,4	4/201= 2	0

Học sinh học sinh học chương trình hiện hành được đánh giá: 184

Học lực	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
	9 /184= 4,8	63/184 = 34	112/184 = 60,2 %	
Hạnh kiểm	Tốt	Khá	Trung bình	yếu
	162/184 = 88	18/184= 9,8	4/184= 2,2	0

- Kết quả phân luồng, đi học sau tốt nghiệp THCS

Trường Nội trú Tỉnh	Trường Nội trú huyện	THPT số 1 Bát Xát/ số thi đỗ	THPT số 2 Bát Xát/ số thi đỗ	THCS & THPT Bát Xát/hồ sơ nộp	TTGDT X huyện/hồ sơ nộp	Tổng nhập học/tổng tốt nghiệp (%)	Cao đẳng nghề LC và trường khác
2	5	9	12	45	2	80/92= 87 %	

--	--	--	--	--	--	--	--

- Học sinh giỏi; Nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; STTTNNĐ....:

TT	Nội dung	Kết quả
1	HSG Cấp trường	9 giải
2	HSG Cấp huyện	6 giải
3	HSG Cấp tỉnh	0
4	Nghiên cứu khoa học, kỹ thuật	Đạt 2 giải (1 giải ba và 1 giải khuyến khích;)
5	Học sinh thi STTTNNĐ	01 giải

- Bồi dưỡng đội ngũ, chất lượng các cuộc thi giáo viên:

TT	Nội dung	Kết quả
1	Thi giáo viên dạy giỏi cấp trường,	19 Đạt (tham gia 19)
2	Thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện	6 Đạt (tham gia 7)
3	Thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	2 Đạt (tham gia 3)

- Đánh giá CB, GV, NV; chất lượng cơ sở giáo dục;

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả
1	Chuyên môn theo QĐ 682/SGD&ĐT	Xếp loại chuẩn Tốt 13/22 = 59 % đ/c; xếp loại chuẩn khá: 9/22 = 41 %;
2	Chuẩn GV theo CV 517/SGD&ĐT	22 Tốt
3	Chuẩn HT theo CV516/SGD&ĐT	1 Tốt
4	Chuẩn PHT theo CV516/SGD&ĐT	2 Tốt
5	Viên chức theo QĐ 532/QĐ-SGD&ĐT và QĐ 32/QĐ-UBND	(1). Xếp loại Hiệu trưởng: 01 Hoàn thành tốt nhiệm vụ; (2). Xếp loại Phó Hiệu trưởng: 02 Hoàn thành Tốt nhiệm vụ; (3). Đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 4/28 đồng chí = 14,3% (4). Đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 24/28 đồng chí= 85,7%;
6	BDTX theo TT 17/2022 và TT 19/20219	25/25=100% hoàn thành CTBDTX; 3 nhân viên không đánh giá.
7	Công tác Bán trú Theo QĐ 739/QĐ-SGD	Duy trì TLCC Bán trú trên 97,5%.
8	Cơ sở giáo dục theo QĐ 54/QĐ-UBND	Hoàn thành Tốt nhiệm vụ

- Thi đua- Khen thưởng:

TT	Nội dung	Kết quả
----	----------	---------

1	Viên chức LĐTĐ	23/28=82.1%
2	Viên chức CSTĐCS	4/28=17,9%
3	Viên chức Giấy khen cấp xã	5/28=17.8%
4	Viên chức Bằng khen	0
5	Tập thể	Lao động tiên tiến
6	Công đoàn	LĐLĐ huyện tặng Giấy khen

4. Tồn tại, hạn chế, khó khăn

- Duy trì tỉ lệ chuyên cần đảm bảo ổn định bền vững trên 97,5 % trung bình hằng ngày. Tỉ lệ chuyên cần giao động trung bình hàng ngày đạt từ 96-98,5%;

- Tư tưởng nhận thức của CB; GV; NV nhà trường ổn định, cống hiến, yên tâm công tác; nền nếp, ý thức, tác phong, hiệu quả làm việc của đội ngũ cơ bản tốt không có tình trạng trây ỳ ỷ lại; chất lượng đội ngũ được nâng lên;

- Môi trường giáo dục được cải thiện; mô hình trường học gắn với thực tiễn được cải thiện và nâng lên là mô hình điển hình. Quang cảnh trường lớp xanh-sạch-đẹp- an toàn;

- Chất lượng giáo dục đại trà được nâng lên; chất lượng giáo dục mũi nhọn có nhiều chuyển biến; Tham gia các cuộc thi do cụm và huyện tổ chức đều tham gia và đạt giải các kì thi phong trào.

- Cơ sở vật chất công tác Bán trú được quan tâm đầu tư; duy trì nền nếp công tác Bán trú được cải thiện và nâng lên. Duy trì các hoạt động công tác Bán trú theo hướng tự quản, hướng nghiệp, dạy nghề được trú trọng qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục chung nhà trường.

- Các hoạt động giáo dục NGLL được đổi mới, phân luồng học sinh Bán trú hoạt động buổi chiều theo hướng lấy các hoạt động học sinh làm trung tâm, học sinh được tham gia khép kín các thời gian biểu trong ngày dưới sự quản lí phân luồng của giáo viên.

- Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh; giáo dục dạy học tin học, ngoại ngữ cho học sinh được quan tâm. Kĩ năng sống học sinh có nhiều chuyển biến trong năm học cơ bản đã gọn gàng, sạch sẽ và giao tiếp tốt hơn so với năm học trước. (*thực hiện tốt nhiệm vụ tạo chuyển biến nổi bật trong năm học là giáo dục kĩ năng sống cho học sinh*)

- Tỉ lệ phân luồng cơ bản ổn định đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch đạt 81% học sinh được phân luồng đi học sau tốt nghiệp THCS có 95/105= 90,5 % học sinh đi học sau tốt nghiệp THCS; chất lượng thi tuyển THPT đạt kết quả cao.

5. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế, khó khăn:

- Còn một bộ phận học sinh ý thức học tập, nhận thức chậm, đạo đức chưa tốt hay vi phạm nội quy nhà trường (nghỉ học tự do, trộm cắp vặt, đánh nhau, trốn học.....); nguyên nhân do gia đình không quan tâm, các em bị mồ côi hoặc bố mẹ bỏ đi không quan tâm giáo dục. Phương pháp giáo dục một số đồng chí

có thể chưa phù hợp với đối tượng học sinh cá biệt nên hiệu quả giáo dục chưa cao. Còn 4 học sinh bỏ học trong năm học; 03 học sinh có nguy cơ bỏ học trong thời gian tiếp theo.

- Công tác kiểm định chất lượng giáo dục; năng lực thực hiện hồ sơ sổ sách của nhà trường, của CB, GV, NV còn chưa tốt. Nguyên nhân chủ yếu là CB, GV, NV mới tiếp cận phương pháp làm việc mới. Trước đây CB; GV; NV ít được va chạm làm trực tiếp và chưa được quan tâm bồi dưỡng đúng mức lên chưa biết cách làm việc.

- Chất lượng giáo dục đại trà còn thấp; các kĩ năng học sinh chưa cao. Kĩ năng chia sẻ học sinh chưa mạnh dạn, chia sẻ chưa sâu. Ý thức học tập của học sinh chưa thật tốt. Nguyên nhân do phương pháp tổ chức dạy học của đội ngũ còn chưa thật bám sát trọng tâm, tinh giản sự phù hợp chưa nhiều; sự quan tâm giáo dục của gia đình học sinh còn nhiều hạn chế học sinh về nhà không học bài.

II. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2025(Năm học 2025-2026)

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về giáo dục và đào tạo, về phát triển kinh tế- xã hội các vùng.

Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo của cả nước thông qua các nhiệm vụ trọng tâm; các đề án, dự án về phát triển trường chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, tăng cường năng lực dạy và học ngoại ngữ; bảo đảm thực hiện các chính sách về phát triển giáo dục và đào tạo...; Công văn số 3244/BGDĐT-KHTC ngày 28/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch ngân sách 3 năm 2025-2027 lĩnh vực giáo dục; Chương trình hành động số 153-CTr/TU ngày 06/01/2014 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo; Kết luận số 51-KL/TU; Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 về tiếp tục thực hiện NQ 29-NQ/TW; Đề án 6 của Tỉnh ủy; Đề án 04 của Huyện ủy; Chương trình hành động số 355-CTr/TU ngày 28/5/2024 của Tỉnh ủy, Chương trình hành động số 99-CTr/HU ngày 07/8/2024 của Huyện ủy Bát Xát về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn; Chỉ thị của UBND tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Lào Cai; ...

Căn cứ Công văn số 1611/SGD&ĐT-KHTH ngày 23/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục năm 2025 (năm học 2025-2026);

Căn cứ Công văn số 396/PGD&ĐT-KHTH ngày 28/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục năm 2025 (năm học 2025-2026);

Căn cứ vào tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển sự nghiệp giáo dục huyện và Kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 – 2025 của Trường PTDTBT THCS Dền Thành.

2. Nội dung kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo

2.1. Mục tiêu

- Đạt cấp độ 2 kiểm định; đạt Mức độ 1 trường Chuẩn quốc gia (*Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT*)

- Duy trì tốt mô hình trường PTDTBT THCS theo Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc Bán trú;

- Thực hiện mô hình trường học gắn với thực tiễn “ trường học đa văn hóa gắn với cộng đồng” là mô hình điển hình;

- Thực hiện chương trình: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (*Thông tư số 32/2018/TT- BGDDT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông 2018*) và Thông tư số 20/2021/TT-BGD&ĐT ngày 1/7/2021 sửa đổi Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.

2. 2. Chỉ tiêu phát triển giáo dục năm 2025 (năm học 2025-2026)

(1) Phát triển mạng lưới trường lớp học, quy mô giáo dục phù hợp, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân: Số trường 1, số lớp 12, số học sinh tăng so với năm học trước (số tương đối 400 và số tuyệt đối khoảng 407).

(2) Tỷ lệ % huy động học sinh ra lớp: 100%

(3) Xây dựng lộ trình trường học đạt chuẩn quốc gia.

2.3. Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2025.

- Tổng nhu cầu kinh phí: 11.769 triệu đồng, trong đó:

+ Chi thường xuyên: 4.196.822.785 triệu đồng.

+ Chi thực hiện các chế độ chính sách học sinh: 3.158.013.000 triệu đồng

+ Chi đầu tư xây dựng mới, mua sắm, sửa chữa: 230 triệu đồng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức

Chủ động, tích cực đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động về đổi mới giáo dục; đổi mới công tác thông tin, truyền thông để thống nhất về nhận

thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia, đánh giá, phản biện của xã hội đối với giáo dục.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả của Chuyên mục Giáo dục, Bản tin Giáo dục; tăng cường truyền thông trên Trang thông tin điện tử của Trường.

Đẩy mạnh công tác truyền thông về GD&ĐT, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục, trước hết là việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông về các tấm gương người tốt, việc tốt trong ngành Giáo dục, nhà trường; các tấm gương nhà giáo, học sinh đổi mới, sáng tạo và đạt kết quả tốt trong dạy và học nhất là ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn.

2. Quy hoạch, phát triển mạng lưới trường, lớp học

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên huyện Bát Xát, giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030. Đảm bảo số lượng học sinh trong một lớp để sử dụng tiết kiệm nhất các nguồn lực.

Thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục tham mưu cho UBND xã quy hoạch đất cho nhà trường đảm bảo diện tích theo quy định và đáp ứng đủ nhu cầu phát triển trường học trong giai đoạn tiếp theo.

Tham mưu xây dựng cơ sở vật chất theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa, đảm bảo theo các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục, xây dựng trường chuẩn Quốc gia; quan tâm xây dựng các phòng chức năng, nhà công vụ, phòng ở cho học sinh bán trú và các công trình phụ trợ khác.

3. Củng cố, duy trì số lượng học sinh các cấp học

Duy trì số lượng học sinh theo chỉ tiêu phát triển giáo dục được giao: Tích cực tham mưu UBND xã có giải pháp đồng bộ, hiệu quả để khắc phục tình trạng học sinh bỏ học do tảo hôn, cha mẹ bỏ đi khỏi địa phương; tăng cường công tác phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể, chính quyền các xã, thị trấn trong công tác giáo dục, luôn coi đây là trách nhiệm của các cấp các ngành; đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, định hướng nghề, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS; kiểm soát chặt chẽ số lượng học sinh, đặc biệt là số lượng tuyển sinh và chất lượng, số lượng học sinh sau hoàn thành chương trình các cấp làm căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động giáo dục của các nhà trường.

4. Đổi mới công tác quản lý giáo dục

Thực hiện đổi mới công tác quản lý theo hướng phân cấp, nhà trường

trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với nâng cao năng lực quản trị nhà trường. nêu cao tinh thần dân chủ trong hoạt động của nhà trường gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

Kiến toàn Hội đồng trường đảm bảo các điều kiện để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, đồng thời phát huy được vai trò trong việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục tại cơ sở.

Tạo động lực, cơ hội cho đội ngũ phát huy sáng kiến trong thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là trong đổi mới giáo dục. Nhân rộng, phổ biến các mô hình quản lý hiệu quả.

Tổ chức tốt việc đối thoại trực tiếp với nhân dân. Giải đáp triệt để những ý kiến nhằm nâng cao sự ủng hộ, tin tưởng của nhân dân trong công tác giáo dục.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Tiếp tục giữ vững và nâng cao chất lượng hiệu, quả giáo dục: Quan tâm chỉ đạo thực hiện việc kiểm soát, đảm bảo chất lượng giáo dục; chú trọng bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém và tổ chức ôn tập, bồi dưỡng kiến thức cho học sinh các lớp cuối cấp; theo dõi sát, đánh giá sự tiến bộ, phát huy thành tích của học sinh trong học tập.

Nâng cao chất lượng các Cuộc thi theo hướng tăng cường hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phù hợp với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh, dần đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Tổ chức ôn tập tốt cho học sinh lớp 9 đảm bảo chất lượng sau tốt nghiệp THCS, tạo nguồn tuyển sinh vào lớp 10 và TCCN và học nghề.

Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp giáo, đặc biệt chú trọng việc đảm bảo tính liên thông về phương pháp dạy học giữa hai cấp học tiểu học và THCS; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả giáo dục; thực hiện tốt triệt để việc đổi mới công tác quản lý trường học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và giảng dạy.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 02/3/2021 của UBND huyện về Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở huyện Bát Xát, giai đoạn 2021-2025 với những giải pháp cụ thể nhằm phát triển đội ngũ một cách toàn diện, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tổ chức rà soát, đánh giá, bố trí sắp xếp lại đội ngũ, tinh giản biên chế; thực hiện bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo đúng quy định, đúng vị trí việc làm và yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; tạo động lực cho đội ngũ CBQL, giáo viên phát

huy năng lực sáng tạo trong đổi mới giáo dục.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ theo hướng chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL và giáo viên gắn với lộ trình triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới và chương trình giáo dục mầm non sau chỉnh sửa. Bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ; tăng cường chất lượng, hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ đang công tác ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

7. Tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học; nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, chính sách hỗ trợ

Tham mưu ưu tiên kinh phí đầu tư mua sắm thiết bị dạy học, đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện đổi mới giáo dục.

Đổi mới cơ chế quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, thực hành tiết kiệm, cắt giảm khoản chi tiêu chưa cần thiết, đảm bảo kinh phí chi cho các hoạt động, ưu tiên kinh phí cho hoạt động chuyên môn, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, tăng cường công tác kiểm tra.

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; xây dựng môi trường giáo dục tốt, cảnh quan trường, lớp sạch, xanh, đẹp.

8. Đẩy mạnh xã hội hoá và hợp tác, hội nhập

Tích cực tuyên truyền và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về giáo dục. Tiếp tục chỉ đạo và làm tốt công tác tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân, các ngành, các cơ quan, các tổ chức đoàn thể và xã hội để xây dựng môi trường giáo dục, trực tiếp tham gia vào quá trình giáo dục, đóng góp các nguồn lực để phát triển giáo dục.

Nâng cao nhận thức của đội ngũ về hiệu quả của việc hợp tác và hội nhập về giáo dục đào tạo. Coi hội nhập là một trong các giải pháp quan trọng để đổi mới giáo dục. Chủ động, tích cực hơn trong tiếp cận, vận dụng các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến. Tăng cường trao đổi kinh nghiệm với các địa phương có điều kiện tương đồng về kinh tế - xã hội đã thành công trong công tác giáo dục.

Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ. Đẩy mạnh liên kết đào tạo, tăng cường mời giảng viên người nước ngoài giảng dạy tại các cơ sở giáo dục.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Xây dựng các kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2025 (năm học 2025-2026) xin ý kiến của UBND xã duyệt với phòng GD&ĐT theo hướng dẫn.

Định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, trong đó chú trọng công tác tham mưu, chỉ đạo, duy trì tỷ lệ huy động học sinh và tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần. Cuối năm học có đánh giá kết quả thực hiện từng mục tiêu.

Theo dõi, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp cho phù hợp với thực tế.

Tham mưu cho UBND xã/thị trấn, phòng GD&ĐT xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đảm bảo các điều kiện phục vụ dạy và học.

Chú trọng thực hiện công tác tuyên truyền tới Nhân dân trên địa bàn để thực hiện Đề án rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp đạt hiệu quả cao.

Trên đây là Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2025(năm học 2025-2026) của trường PTDTB THCS Dền Thành./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT(b/c);
- UBND xã Dền Thành(b/c);
- Lưu: VT THCS DT.

HIỆU TRƯỞNG

Từ Viết Bình